TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133**/2022/DS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Tâm

Ông Nguyễn Văn Ngoãn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 228/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2022/QĐST-DS, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: XX, Phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Long T, Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019).

Bị đơn: Ông Mai Văn Q, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Long T trình bày:

Vào ngày 28/12/2010 Ngân hàng C xét duyệt và cho ông Mai Văn Q vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng, thời hạn cho vay 120 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 08/12/2020, mục đích sử dụng: Xây dựng nhà ở.

Đến ngày 08/12/2016 Ngân hàng C tiếp tục cho hộ ông Mai Văn Q vay số tiền 22.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 08/12/2021, mục đích sử dụng: Chăn nuôi heo.

Đến ngày 30/12/2016 Ngân hàng C tiếp tục cho hộ ông Mai Văn Q vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 08/12/2021, mục đích sử dụng: Xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (kể cả vốn gốc và tiền lãi) theo thỏa thuận. Tính đến ngày 26/9/2022 hộ ông Q còn nợ vốn gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi là 9.945.000 đồng. Tổng cộng là 51.945.000 đồng.

Nay Ngân hàng C yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Mai Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 51.945.000 đồng; đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Mai Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông Q và bà T không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới trả vốn, lãi và lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Mai Văn Q là bị đơn và bà Lê Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, xét thấy hồ sơ vay vốn mà nguyên đơn cung cấp là Sổ vay vốn cấp cho hộ ông Mai Văn Q, có thành viên trong hộ gia đình là bà Lê Thị T (vợ ông Q) và Giấy đề nghị vay

vốn, giải ngân giữa Ngân hàng với ông Q đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng với bên vay là ông Q; các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện với nhu cầu lợi nhuận của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, ông Q đại diện bên vay đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; việc ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận; do vậy việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu buộc ông Q và bà T thanh toán nợ của hợp đồng vay với tổng số tiền 51.945.000 đồng (gồm nợ gốc 42.000.000 đồng, tiền lãi 9.945.000 đồng tính đến ngày xét xử) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả hết nợ, là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về áp dụng pháp luật, Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật; hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Mai Văn Q và bà Lê Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng Giao dịch tại huyện K, tỉnh Sóc Trăng số tiền **51.945.000** đồng (bao gồm nợ gốc 42.000.000 đồng, tiền lãi 9.945.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Mai Văn Q và bà Lê Thị T phải liên đới chịu **2.597.250** đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu